

TÍNH MẠCH LẠC TRONG VIẾT LUẬN TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

COHERENCE IN ESSAYS WRITTEN BY ENGLISH MAJORS

AT QUANG BINH UNIVERSITY

NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG

(ThS; Đại học Quảng Bình)

1. Đặt vấn đề

1.1. Đề góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển với các quốc gia tiên tiến trên thế giới, giáo dục Việt Nam đã có những bước đổi mới tích cực, trong đó phải kể đến việc chú trọng dạy và học tiếng Anh ở các cấp học từ thấp đến cao. Ở nước ta hiện nay, tiếng Anh là một trong những ngoại ngữ chính được đưa vào chương trình giảng dạy. Đây cũng là công cụ giao tiếp số một trong hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, không phải ai cũng cảm thấy dễ dàng để giao tiếp một cách thuận lợi với ngôn ngữ này, bởi trên thực tế, chỉ những ai tích lũy được một lượng kiến thức ở một mức độ nào đó, đặc biệt là các kĩ năng cơ bản Nghe, Nói, Đọc, Viết mới có thể tự tin sử dụng tiếng Anh làm công cụ giao tiếp. Mỗi kĩ năng đều có những nét đặc thù riêng. Trong chương trình giảng dạy ở bậc đại học, kĩ năng Viết đóng vai trò quan trọng song lại gây không ít khó khăn cho sinh viên. Khi viết một bài luận bằng tiếng Anh, sinh viên không chỉ chuẩn bị ý tưởng sao cho thật phong phú mà còn phải chọn cách tổ chức và sắp xếp các ý sao cho mạch lạc, súc tích. Nói cách khác, bài luận vừa phải đúng về nội dung yêu cầu, vừa đảm bảo tính súc tích, dễ hiểu và có tính thẩm mĩ cao. Đó quả thật là điều không dễ với sinh viên chuyên ngữ nói chung và sinh viên chuyên ngữ Trường Đại học Quảng Bình nói riêng.

1.2. Nếu trong kĩ năng viết câu hay viết đoạn văn ngắn, ngữ pháp và từ vựng và liên từ được xem là vấn đề đáng lưu tâm, thì trong kĩ năng viết bài luận tiếng Anh, câu chủ đề

(thesis statement), ý hỗ trợ (supporting ideas), tính thống nhất trong việc sắp xếp ý tưởng (unity) và tính mạch lạc (coherence) là những vấn đề sinh viên thường mắc lỗi khi thực hành viết. Với vốn tiếng Anh hạn chế và thiếu sự kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố cần thiết để có một bài luận hay, việc sinh viên viết một bài luận có nội dung nhưng thiếu tính mạch lạc là không thể tránh khỏi.

Bài viết này tập trung phân tích cách nhìn nhận hay nhận thức của sinh viên Trường Đại học Quảng Bình về tầm quan trọng của tính mạch lạc trong viết bài luận tiếng Anh và cách sinh viên thường làm để có một bài viết mạch lạc, súc tích.

2. Tính mạch lạc trong bài luận

Tính mạch lạc được nhiều nhà nghiên cứu xem như là một yếu tố quan trọng quyết định việc hình thành một văn bản. Theo đó, văn bản chỉ được xem là mạch lạc khi nội dung của văn bản phải thực sự thống nhất, nhất quán với chủ đề và chặt chẽ về tính logic. Mạch lạc (coherence) được ghép từ tiền tố "Co" (tiếng Latin), có nghĩa là "vớ", "cùng nhau", còn động từ "cohere" có nghĩa là "giữ lại với nhau".

Halliday và Hassan (1976) đã nêu khái niệm về mạch lạc như sau: "*Mạch lạc được coi là phần còn lại (sau khi trừ liên kết) thuộc về ngữ cảnh của tình huống với những dấu nghĩa tiềm ẩn. Mạch lạc được coi là phần bổ sung cần thiết cho liên kết, là một trong những điều kiện tạo thành chất văn bản.*" [6]. Theo Bách khoa thư ngôn ngữ và ngôn ngữ học (1994), mạch lạc là sự nối kết có tính chất

logic được trình bày trong quá trình triển khai một cốt truyện, một truyện kể,... lệ thuộc vào việc tạo ra những sự kiện được kết nối với nhau, hơn là những dây liên hệ thuộc ngôn ngữ.

Trong giảng dạy kĩ năng viết, mạch lạc được đánh giá là một yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của bài viết, như Hatch.E (1992) khẳng định: “*Nếu thiếu tính mạch lạc, một văn bản không đích thực là một văn bản*” [7]. Như vậy, để một văn bản hay một diễn ngôn có tính mạch lạc, nhất định phải có nghĩa và là một chỉnh thể, đồng thời phải được định hình tốt. Cùng với tính liên kết (cohesion), mạch lạc là một thành tố không thể thiếu khi đánh giá chất lượng bài viết. Nếu tính liên kết nói đến các cách thức câu và các bộ phận của câu kết nối với nhau tạo thành một văn bản hoàn chỉnh thì mạch lạc được coi là phép tu từ nhằm tạo sự thống nhất trọn vẹn của văn bản. Do đó, nhất thiết phải có sự liên kết giữa các câu một cách nhuần nhuyễn, không có hiện tượng nhảy cóc (sudden jumps).

Có nhiều cách để tạo tính mạch lạc trong viết luận như: *lặp lại danh từ khóa (repetition of key nouns), sử dụng đại từ cố định (using consistent pronouns), sử dụng dấu hiệu chuyển ý (transition signals), cấu trúc câu song song (parallel structures) hay sắp xếp các ý một cách hợp lí (proper order)*. Oshima, A & Hogue, A. (2006) đã khẳng định dùng đại từ để thay thế cho danh từ, người viết nên có sự nhất quán, đảm bảo tính rõ ràng, tránh gây tối nghĩa hay mơ hồ [8;42]. Thêm vào đó, những dấu hiệu chuyển ý như *first, second, next, finally, therefore, however* hay những cụm từ như *in conclusion, on the other hand, as a result* cũng nên được sử dụng hợp lí để tạo tính mạch lạc cho bài luận. Thực tế cho thấy dấu hiệu chuyển ý hay liên từ nối được xem là phương pháp phổ biến nhất bởi giúp người đọc biết được ý đồ của người viết là đồng tình hay phản đối, nguyên nhân - kết quả,...

Theo Nguyễn Thị Hồng Thủy (2004) trật tự trong câu có vai trò to lớn đối với việc thiết lập tính mạch lạc cho văn bản. Để văn bản có tính mạch lạc thì các nội dung sự kiện có liên quan đến chủ đề phải được sắp theo một trật tự nhất định nào đó. Trật tự đó có thể là thời gian - không gian, trật tự quan hệ logic về mặt ngữ nghĩa hay trật tự lí giải vấn đề. Mỗi cách sắp xếp sẽ tạo ra mỗi kiểu mạch lạc khác nhau, như là mạch lạc về thời gian - không gian, mạch lạc theo nội dung quan yếu hay mạch lạc trong quan hệ lập luận [4].

3. Kết quả phân tích

3.1. Quan điểm của sinh viên đối với tính mạch lạc trong bài luận tiếng Anh

Qua khảo sát điều tra, phỏng vấn 100 sinh viên chuyên ngữ tại Trường Đại học Quảng Bình, gần 80% sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc tạo tính mạch lạc cho các thể loại văn bản nói chung. Bởi lẽ, theo họ, mạch lạc sẽ làm cho các ý trong bài văn gắn kết logic theo một trình tự nhất định. Bên cạnh đó, tính mạch lạc trong bài luận thể hiện người viết nắm chắc, lựa chọn đúng cấu trúc, từ vựng, đảm bảo cho bài luận trôi chảy, súc tích và rõ ràng để người đọc có thể hiểu nội dung một cách nhanh chóng. Hơn nữa, một bài văn mạch lạc không chỉ có giá trị về mặt nội dung và còn mang tính thẩm mỹ cao.

3.2. Cách thức tạo tính mạch lạc cho bài luận

Bảng 3.1. Cách thức sinh viên tạo tính mạch lạc cho bài luận

	Cách thức	Sinh viên lựa chọn ($\Sigma = 100$)
1	Sắp xếp ý theo trật tự logic	91 (91%)
2	Dùng từ/ cụm từ chuyển ý	100 (100%)
3	Lặp lại danh từ chính	72 (72%)
4	Dùng đại từ	87 (87%)
5	Dùng cấu trúc song song	31 (31%)
6	Cách khác	0 (0%)

Từ bảng tổng hợp trên có thể thấy, sinh viên có nhiều cách khác nhau để xây dựng tính mạch lạc cho bài viết. 100% sinh viên có khuyên hướng lựa chọn các từ, cụm từ nổi để liên kết ý trong bài luận. Ngoài ra, họ còn sử dụng phương pháp sắp xếp ý theo trật tự logic, dùng đại từ, lặp lại danh từ chính. Số sinh viên sử dụng cấu trúc song song chiếm tỉ lệ ít hơn so với các phương pháp khác (31%).

(i) Sắp xếp ý theo trật tự logic

Một bài luận có thể được coi là một văn bản được xây dựng từ quan điểm riêng của người viết bởi nó tập hợp các ý tưởng có tổ chức. Tất cả các bài luận có phần mở đầu, phần thân bài, phần kết luận và được xây dựng xung quanh một ý tưởng trung tâm, hoặc ý chính (main idea). Thông thường, bài luận gồm ít nhất ba đoạn văn, có độ dài đủ để thảo luận, tranh luận hoặc chứng minh ý tưởng chính của bài luận. Những ý bổ sung hay hỗ trợ cho ý chính (supporting ideas) phải được bố trí hợp lý để hỗ trợ cho từng ý chính được nêu ra trong bài luận. Tùy thuộc từng kiểu bài luận khác nhau mà các ý được sắp xếp theo cách thích hợp, chẳng hạn như thứ tự thời gian, trật tự không gian hay diễn trình của nội dung,... Ví dụ (*các ví dụ dưới đây không chú nguồn dẫn đều được trích từ các bài luận của sinh viên):

(1) Cell phone has a lot of advantages that attract the use of people worldwide. First, it helps us in daily communication even in long or far distance. Next, it make searching Internet, sending or receiving email become quyccker and easier. And finally, it can be a means of entertainment with a lot of interesting game.

Với ý đồ làm cho phần mở đầu được trôi chảy theo trật tự thời gian, sinh viên đã sử dụng những từ nối như là "first", "next" và "finally". Những dấu hiệu kết nối thể hiện mối quan hệ về mặt thời gian logic, người đọc dễ dàng nắm bắt những ý chính được triển khai chi tiết.

(2) In today's modern world, people can have access to highly advanced technological devices. The invention of cell phones has met the increasingly high demands of people in communication and other services. Cell phones have changed our lives, and since its appearance, cell phones have brought to man both advantages and disadvantage.

Đoạn mở đầu (2) cho thấy trật tự không gian rất thích hợp. Câu đầu tiên giới thiệu tổng thể về công nghệ tiên tiến, những câu sau đó mô tả điện thoại di động, đối tượng chính của bài luận. Do đó, người đọc có thể hình dung bài luận đang đi theo hướng diễn dịch, một trong những lối viết khá quen thuộc và phổ biến.

(3) The first and the most important reason is that cell phone can be used almost everywhere without cables or electricity...

A further reason of using cell phone is that you can keep in touch with other people easily and quycckly...

The final reason that most people use cell phone is due to its convenience in entertainment

Ví dụ trên minh chứng cho kĩ thuật sắp xếp trật tự quan trọng của ý tưởng theo ý chủ quan của người viết. Nhờ các biểu thức chuyển tiếp như "the first and the most important reason", "a further reason", "the final reason" người đọc hiểu rõ lí do quan trọng nhất cho đến ít quan trọng nhất của việc sử dụng điện thoại di động là gì.

(ii) Từ/ cụm từ chuyển ý

Một bài luận tốt được xây dựng trên cơ sở các đoạn văn được tổ chức tốt. Oshima, A & Hogue, A. (2006) đã khẳng định: "Đoạn văn là một đơn vị cơ bản để tổ chức văn bản" và trong số những yếu tố để tạo thành một đoạn văn tốt, tính mạch lạc có một vai trò rất quan trọng [9;17]. Mỗi bài văn mạch lạc chứa những ý tưởng kết nối nhuần nhuyễn hoặc bao gồm một chuỗi câu có liên quan với nhau. Vì vậy, để đạt được sự gắn kết, cần phải chú ý

đến việc sử dụng các dấu hiệu chuyển tiếp. ví dụ:

(4) *The first and the most important reason of using cell phones is (that) they can be used almost everywhere else. By using a cell phone, you can communicate with anyone whenever you want and wherever you are. Besides, if there is an emergency situation, cell phones can also be useful. Furthermore, you can get access to the Internet to get every information you need with only a small device as a cell phone. In addition to this, nowadays, the world's most common means of communication is SMS. Cell phones, certainly, include this system. Therefore, in this way, you can communicate with others more cheaply than by normal callings (...).*

Ví dụ (4) cho thấy sinh viên đã có ý thức sử dụng dấu hiệu chuyển tiếp để tạo tính mạch lạc. Cụ thể là câu chủ đề tập trung chủ yếu vào một trong hai lợi thế quan trọng được đề cập trong toàn bộ bài viết. Vì mục đích tạo sự gắn kết và mạch lạc cho đoạn văn, các câu hỗ trợ được người viết sắp xếp theo thứ tự hợp lý bằng việc lần lượt liệt kê ra tính hữu ích của việc sử dụng điện thoại di động trong giao tiếp hàng ngày, trong các tình huống khẩn cấp và tin nhắn SMS. Bên cạnh đó, những ý tưởng được nói với nhau bằng các cụm từ chuyển tiếp thích hợp như "by using a cell phone", "besides", "furthermore", "in addition to this", "therefore", "in this way". Do đó, đoạn văn trên được đánh giá là dễ đọc và dễ hiểu.

Tuy nhiên, ở ví dụ (5) dưới đây có thể dễ dàng nhận ra sự đơn điệu và thiếu tính mạch do thiếu phương tiện liên kết cần thiết:

(5) *The first and the most important reason of using cell phones is (that) they can be used almost everywhere else. You can communicate with anyone whenever you want and wherever you are. If there is an emergency situation, cell phones can also be useful. You can get access to the Internet to get every information you need with only a small device as a cell phone. Nowadays, the*

world's most common means of communication is SMS. Cell phones, certainly, include this system. You can communicate with others more cheaply than by normal callings. It is the reason why most of the students always consider this feature before making a final decision to buy a cell phone.

Việc tạo tính mạch lạc thông qua các từ chuyển tiếp như *in addition, however, moreover, although, and first/ second/ third, ...* có vẻ không quá khó nên sinh viên có xu hướng tận dụng lợi thế sử dụng phương pháp này để làm cho bài luận mạch lạc hơn. Tuy nhiên, khác với các sinh viên bản xứ, sử dụng các dấu hiệu chuyển tiếp đôi khi gây ra những lỗi nhất định đối với sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên Trường Đại học Quảng Bình nói riêng. Có nhiều nguyên nhân trong đó phải kể đến việc lạm dụng sử dụng từ nối hoặc dùng từ nối không đúng ngữ cảnh. Ví dụ (6) là một minh họa cho việc sinh viên sử dụng sai hoặc lạm dụng các từ và cụm từ chuyển tiếp để kết nối các câu trong đoạn văn và các đoạn văn trong bài luận.

(6) *Cell phone is one of the most positively viewed inventions in the technological era (...).*

Firstly, cell phone helps us communicate everyone more easily. For instance, we can talk with everyone who stays everywhere we like (...). Secondly, cell phone is really convenient in traveling and in emergency situations (...). Next, we can use cell phone to search any information from the internet we like. Therefore, we can hold the world in our hand. The last advantage is that we can enjoy ourselves with the cell phone by listening to favorite music, watching film, reading newspaper, taking photos or playing games.

Besides these above advantages, using cell phone also brings us some disadvantages (...). Thus, they become lazy in meeting others. The second disadvantage is that using cell phone regularly affects people's health. If we

spend a lot of time for our mobile, we will be stressful, sore eyes and get other dangerous symptoms.

No doubt, cell phones make our life more convenient. But, we should use them suitably so that we can avoid their disadvantages.

Đoạn mở đầu khá trôi chảy khi đã khái quát được ý chung, tiếp đó là câu chủ đề được thể hiện đầy đủ với hai phần rõ ràng là những thuận lợi và bất lợi của việc sử dụng điện thoại di động. Tuy nhiên ở ví dụ này, sinh viên quá lạm dụng các phương tiện liên kết, làm cho bài luận khá rườm rà và thiếu tính mạch lạc. Với câu chủ đề khá tốt, sinh viên nên sử dụng lối viết diễn dịch. Câu chủ đề nên được giới thiệu ở phần đầu, các câu hỗ trợ được theo sau bởi những cụm từ chuyển tiếp như *firstly, secondly, next, and the last advantage/disadvantage*. Trong bài viết này, mặc dù sử dụng từ/cụm từ chuyển tiếp để nói về những lợi thế của việc sử dụng điện thoại di động nhưng người viết đã không đề ý đến một số câu hỗ trợ không liên quan với nội dung chính của câu chủ đề, thậm chí trong một đoạn văn còn thiếu câu chủ đề, ví dụ:

(7) *Secondly, cell phone is really convenient in traveling and in emergency situations. Young people can not imagine their life without cell phone.*

Dùng "secondly", người viết giới thiệu một lợi ích khác của điện thoại di động, đó là sự tiện lợi của điện thoại di động trong việc đi lại và trong những tình huống khẩn cấp. Tuy nhiên, ý bổ sung được trình bày sau đó lại không liên quan với ý chính. Hơn nữa, cụm từ chuyển tiếp "besides + noun/noun phrase" được sử dụng để lặp lại ý vừa được thảo luận trong đoạn trước với ý khác cùng nội dung, ví dụ:

(8) *Besides improving communication, personal computers have made it possible to do business from home.* (Oshima and Hogue, 1997: 124).

Ở đây, tác giả đã dùng "besides" trong "Besides improving communication" đứng

đầu đoạn để nói về thuận lợi của máy tính cá nhân nhằm mục đích lặp lại nội dung chính "Communication" đã trình bày trước đó để liên kết chứ không phải để đưa ra ý đối lập. Trong khi đó, việc sử dụng từ nối "besides" của sinh viên trong ví dụ (9) lại thể hiện ý đối lập rõ ràng.

(9) *Besides these above advantages, using cell phone also brings us some disadvantages.*

Ví dụ (8) và (9) cho thấy, không giống với người bản xứ nói tiếng Anh, người Việt Nam nói chung và sinh viên nói riêng có khuynh hướng "Việt hóa" các bài viết. Từ "besides" theo phong cách viết của người Anh không phải bao giờ cũng thể hiện ý đối lập, có thể hiểu là "bên cạnh", trong khi đó sinh viên ở Trường Đại học Quảng Bình lại suy luận từ nối này với nghĩa "ngoài ra" và cho rằng từ này dùng để chỉ ý đối lập nhau. Ví dụ:

(10) *No doubt, cell phones make our life more convenient. But, we should use them suitably so that we can avoid their disadvantages.*

Có thể thấy, việc sử dụng các từ/cụm từ chuyển tiếp là một trong những cách phổ biến để liên kết các ý trong đoạn văn, giữa đoạn văn với đoạn văn để tạo tính logic, mạch lạc cho bài viết. Những từ "in addition", "however", "moreover", "although" và "first/second/third",... được sử dụng với những ý tưởng có nội dung liên quan để tạo sự kết nối chặt chẽ, tường minh và mạch lạc.

(iii) *Các phương pháp tạo tính mạch lạc khác*

Ngoài hai phương nêu trên sinh viên sử dụng một số phương pháp khác như lặp lại danh từ chính, dùng đại từ thay thế phù hợp hoặc dùng cấu trúc song song.

Bảng 3.2. Phương pháp tạo tính mạch lạc thông kê qua bài luận của sinh viên

Phương pháp ($\Sigma = 40$ bài luận)	Sử dụng đúng	Sử dụng sai
	Số lượt (%)	Số lượt (%)
	.	

Lắp lại danh từ chính	459 (98.3%)	8 (1.7%)
Dùng đại từ thay thế phù hợp	638 (95.7%)	29 (4.3%)
Dùng cấu trúc song song	26 (100%)	0 (0%)

Từ số liệu thống kê trong Bảng 3.2 cho thấy, tính mạch lạc được xây dựng từ nhiều phương pháp khác nhau. Lắp lại danh từ chính và dùng đại từ thay thế phù hợp được sinh viên sử dụng khá nhiều. Dùng cấu trúc song song để tạo tính mạch lạc cũng là một phương pháp hay, tuy nhiên phương pháp này đòi hỏi khả năng ngôn ngữ ở cấp độ cao nên ít sinh viên lựa chọn. Kết quả là chỉ có 26 lần cấu trúc song song xuất hiện trong bài viết của sinh viên, và chỉ tập trung ở những bài viết có chất lượng cao. Ví dụ:

(11) *Cell phones have a number of different functions including, helping people in daily communication, entertaining them with games, camera, music and radio, providing them with Internet services, alarming them every morning, and making notes of important dates or work for them to remember.*

Đoạn trích (11) thể hiện người viết dùng cấu trúc song song để tạo tính mạch lạc. Chuỗi câu sử dụng cấu trúc trúc "V-ing" đã diễn tả logic các chức năng của điện thoại di động đối với cuộc sống.

4. Kết luận

Từ kết quả phân tích trên có thể kết luận sinh viên chuyên ngữ ở Trường Đại học Quảng Bình dù rất ý thức về tầm quan trọng của tính mạch lạc trong viết luận nhưng họ cũng gặp không ít khó khăn khi sử dụng các phương tiện liên kết cũng như các phương pháp khác để tạo tính mạch lạc cho bài luận.

Kết quả nghiên cứu ban đầu này hi vọng sẽ đóng góp ít nhiều cho việc giảng dạy kỹ năng Viết tiếng Anh của giảng viên và sinh

viên Trường Đại học Quảng Bình nói riêng và Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dẫn luận ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục
3. Phan Văn Hòa (1998), *Phương tiện liên kết phát ngôn - Đối chiếu ngữ liệu Anh - Việt*, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Hồng Thúy (2004), *Trật tự câu trong vai trò liên kết và tạo mạch lạc cho văn bản*, Luận văn Thạc sĩ, Hà Nội.

Tiếng Anh

5. Halliday, M.A.K (1973), *Explorations in the functions of language*, London: Edward Arnold.
6. Halliday & Hassan (1976), *Cohesion in English*, Longman Limited Group, London
7. Hatch, E. (1992), *Discourse and language education*, Cambridge University Press.
8. Nunan, D. (1993), *Introducing discourse analysis*, Penguin English, London W8 5TZ, England.
9. Oshima, A & Hogue, A. (2006), *Writing academic English (4th ed)* NewYork: Pearson Longman
10. Palmer, J.C (1999), *Coherence and cohesion in the English language classroom: The use of lexical reiteration and pronominalization*, Vol. 30, No 2, 61-65, RELC Journal.
11. Widdowson. H. G (1996), *Linguistics*, Oxford University Press.

Abstract: The paper focuses on analyzing the importance of coherence in essay writing and the ways that English majored students at Quang Binh University use to employ coherence in their essays. Grounded on the findings, possible suggestions were given to both teachers and students of English regarding teaching and learning how to write coherent essays.

Key words: coherence; write; English majored students; Quang Binh University.